

**ĐỀ CƯƠNG
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI ĐẾN 2025 VÀ TẦM NHÌN 2030**

**Phần thứ nhất
GIỚI THIỆU CHUNG VÀ CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ**

1.1 GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DNU

Tên gọi
Địa chỉ
Các đơn vị thành viên
Lịch sử hình thành và phát triển
Thành tựu đạt được và những hạn chế

1.2. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006 – 2020;
- Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 – 2020;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bna chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn 2025;

- Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Nghị định số 73/2015/NĐ-CP ngày 08/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chí xếp hạng cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học;

- Chỉ thị số 666/CT-BGDĐT ngày 24/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2020 – 2021 của ngành Giáo dục;

Phần thứ 2

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU CỦA DNU

2.1. SỨ MẠNG

Đào tạo trình độ đại học, bồi dưỡng ngắn hạn, cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng thành thạo, thái độ làm việc chuyên nghiệp cho các trường học, các doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động và người học; Hợp tác, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Đồng Nai và khu vực Đông Nam bộ.

2.2. TẦM NHÌN

2.2.1. Tầm nhìn đến 2025

Xây dựng Trường Đại học Đồng Nai trở thành cơ sở đào tạo khoa học và công nghệ có thế mạnh trong các lĩnh vực sư phạm, quản lý giáo dục, đào tạo ngoại ngữ và các chuyên ngành kỹ thuật, logistics, thương mại điện tử, kinh tế và du lịch phục vụ cho phát triển của Cảnh hàng không Long Thành, các khu công nghiệp gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (Văn kiện NQĐH Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, tr46, 47).

2.2.2. Tầm nhìn đến 2030

Trở thành địa chỉ đào tạo trình độ thạc sĩ cho các ngành sư phạm (phương pháp dạy học các bộ môn ở trường phổ thông); quản lý giáo dục; kỹ thuật điện-tự động; kỹ thuật cơ khí chế tạo; công nghệ thông tin; kinh tế; công nghệ hoá thực phẩm; công nghệ môi trường và trình độ tiến sĩ cho các ngành sư phạm và quản lý giáo dục, các chuyên ngành phục vụ cho nghiên cứu khoa học của tỉnh và khu vực Đông Nam bộ.

2.3. MỤC TIÊU

2.3.1. Mục tiêu chung của chiến lược

Tạo chuyển biến về nhận thức, chung tay hành động vì chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng nhu cầu học tập, nhu cầu nhân lực cho xã hội.

Cơ cấu lại tổ chức, phát triển nhân lực hiện có và bổ sung giảng viên với chuyên ngành có xu hướng phát triển; tạo việc làm ổn định, thu nhập tương xứng với công việc; phát triển chuyên môn của viên chức, người lao động trong Trường.

Ứng dụng công nghệ để xây dựng môi trường làm việc hiệu quả, phát huy dân chủ, hợp tác, thực dạy, thực học, thực nghiệp; phát triển các chương trình đào tạo tiếp cận khu vực ASEAN và một số nước phát triển; tập trung nghiên cứu khoa học ứng dụng cho dạy và học tại Trường và các đề tài của Tỉnh.

2.3.2. Mục tiêu đến 2025 (Đề nghị các khoa/bộ môn viết)

2.3.2.1. Đào tạo: bao nhiêu chuyên ngành, cấp trình độ, số lượng tuyển mới, số lượng (hoặc tỷ lệ) sinh viên (SV) nợ môn, nghỉ học, có việc làm.

2.3.2.2. Phát triển giảng viên

2.3.2.3. Nghiên cứu khoa học (NCKH)

- 2.3.2.4. Hợp tác quốc tế
- 2.3.2.5. Tham gia hoạt động cộng đồng
- 2.3.3. Mục tiêu đến 2030** (Đề nghị các khoa/bộ môn viết)
 - 2.3.3.1. Đào tạo: bao nhiêu chuyên ngành, cấp trình độ, số lượng tuyển mới, số lượng (hoặc tỷ lệ) sinh viên (SV) nợ môn, nghỉ học, có việc làm.
 - 2.3.3.2. Phát triển giảng viên
 - 2.3.3.3. Nghiên cứu khoa học (NCKH)
 - 2.3.3.4. Hợp tác quốc tế
 - 2.3.3.5. Tham gia hoạt động cộng đồng

Phần thứ ba **BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG**

3.1. BỐI CẢNH (BGH viết)

3.1.1. Bối cảnh quốc tế tác động đến GDDH

- 3.1.1.1. Tác động của cuộc CMCN lần thứ tư (CN 4.0)
- 3.1.1.2. Tác động của AEC và yêu cầu chất lượng nhân lực
- 3.1.1.3. Yêu cầu chính sách đảm bảo chất lượng theo AUN-QA hoặc ABET.

3.1.2. Bối cảnh trong nước và khu vực Đông Nam bộ

- 3.1.2.1. Tác động của cơ chế chính sách (Bộ GDĐT, KH-CN...)
- 3.1.2.2. Tác động của các trường đại học trong nước
- 3.1.2.3. Tác động của các trường CĐ, ĐH ở Đồng Nai và trường cùng loại hình ở Đồng Nam bộ)

3.1.3. Nhu cầu nhân lực của Đồng Nai đến 2021-2025 và 2026-2030

- 3.1.3.1. Lĩnh vực giáo dục
 - 3.1.3.2. Lĩnh vực khác
- Yêu cầu của tỉnh Đồng Nai (TU, UBND, các cơ sở sử dụng nhân lực)

3.2. THỰC TRẠNG (Các phòng, khoa, bộ môn viết)

3.2.1. Thực trạng chung

- 3.2.1.1. Tổ chức và quản lý (Sơ đồ, mối quan hệ...) (P. TCHC chủ trì)
- 3.2.1.2. Đội ngũ viên chức và giảng viên (số lượng, chất lượng, năng lực) (P.TCHC chủ trì)
- 3.2.1.3. Đào tạo (CĐ, ĐH, liên kết) (P. ĐT chủ trì cùng Khoa/ BM/ NCKH-SĐH-QHQT)
- 3.2.1.4. Phát triển chương trình đào tạo (programme, curriculum) (P. ĐT chủ trì)
- 3.2.1.5. Phương pháp dạy, học và kiểm tra, đánh giá (P. ĐT chủ trì)
- 3.2.1.6. NCKH và ứng dụng công nghệ phục vụ đào tạo (P. NCKH-SĐH-QHQT chủ trì)
- 3.2.1.7. Các dịch vụ hỗ trợ SV (P. CTSV chủ trì)
- 3.2.1.8. Hợp tác quốc tế và hợp tác với nơi sử dụng SV (P. NCKH-SĐH-QHQT chủ trì)
- 3.2.1.9. Cơ sở vật chất và thiết bị (những ngành nào đã đáp ứng, chưa đáp ứng và đạt bao nhiêu % nhu cầu) (Khoa/BM chủ trì)

3.2.2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và đe dọa (SWOT) (Theo phân công ở 3.2.1)

Nội dung đánh giá	Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Đe dọa
1. Tổ chức và quản lý (Số phòng/khoa và phương pháp quản lý)	Ví dụ: Số lượng đầy đủ, nhiều	Chưa đồng bộ giữa chức năng	Bố trí được cán bộ quản lý. Cơ cấu	Dễ dẫn đến chông chéo hoặc không

		với nhiệm vụ. Tỷ lệ khoa/phòng chưa cân đối. Sinh viên ít . . .	lại để đáp ứng hoạt động xuyên suốt, phù hợp chức năng	biết việc nào của mình
2. Nhân sự (số lượng, chất lượng và cách bố trí GV và nhân viên)				
3. Phương pháp dạy và học				
4. Nghiên cứu khoa học của GV				
5. Phát triển CTĐT (LOs, Structure, Content of Curriculum)				
6. Nội dung và phương pháp đánh giá SV				
7. Hỗ trợ SV học tập (phát triển KSA), NCKH, thực tập và tìm việc làm				
8. Cơ sở vật chất và thiết bị				
9. Hợp tác quốc tế và hợp tác với nơi sử dụng SV của DNU				
10. Tài chính				

3.2.3. Kết luận chung về xu hướng phát triển của DNU (BGH viết)

Phần thứ tư

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DNU ĐẾN 2025 VÀ TẦM NHÌN 2030

4.1. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

-Chiến lược phải xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Đồng Nai từng giai đoạn

-Chiến lược có tính ổn định nhưng linh hoạt để có thể điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu nhân lực trong các cơ sở giáo dục, cơ sở sản xuất kinh doanh . . .

-Chiến lược tập trung nâng cao năng lực quản lý, dạy và học, NCKH và phục vụ cộng đồng dựa trên các tiêu chí của AUN-QA (Ver 4.0) và các tiêu chí của Bộ GDĐT về kiểm định, các quy định hiện hành khác của Bộ, của tỉnh Đồng Nai

4.2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THEO LĨNH VỰC ĐẾN 2025 VÀ 2030

4.2.1. Phát triển số lượng, trình độ các ngành đào tạo (CĐ, ĐH, Ths, TS; liên kết NNg) (P. ĐT chủ trì cùng các khoa, P. NCKH-SĐH-QHQT)

4.2.1.1. Mục tiêu

4.2.1.2. Nội dung

- 4.2.1.3. Cách thực hiện
- 4.2.1.4. Điều kiện thực hiện
- 4.2.2. Phát triển tổ chức và quản lý (phòng, khoa, bộ môn . . .)** (P. TCHC chủ trì)
- 4.2.3. Phát triển đội ngũ viên chức và giảng viên (Academic Staff)** (P. TCHC chủ trì)
- 4.2.4. Phát triển chương trình đào tạo (Programme, Curriculum)** (P.ĐT chủ trì cùng các khoa/BM, P. KT, ĐBCL & TTGD)
- 4.2.5. Phát triển PP dạy, học và kiểm tra, đánh giá (Teaching and Learning, Student Assessment)** P. ĐT chủ trì cùng các khoa/BM, P. KT, ĐBCL & TTGD)
- 4.2.6. Phát triển NCKH và ứng dụng công nghệ phục vụ đào tạo** (P. NCKH-SĐH-QHQT)
- 4.2.7. Phát triển dịch vụ hỗ trợ SV (Student Support Services)** (P. CTSV)
- 4.2.8. Hợp tác quốc tế và hợp tác với nơi sử dụng SV** (P. NCKH-SĐH-HTQT chủ trì cùng P. CTSV)
- 4.2.9. Cơ sở vật chất và tài chính (Facilities and Infrastructure)** (P. KHTC chủ trì)
- 4.2.10. Các hoạt động đảm bảo chất lượng (Quality Assurance)** (P. KT, ĐBCL & TTGD)

Phần thứ năm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN (BGH sẽ viết, dưới đây là ví dụ)

5.1. TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO DNU

5.1.1. Đảng uỷ và Hội đồng trường

5.1.2. Ban Giám hiệu

5.2. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC PHÒNG, KHOA, BỘ MÔN

5.2.1. Phòng

Các phòng, khoa, bộ môn ngoài những nhiệm vụ được giao trong quy chế hoạt động, cần tập trung xử lý các nhiệm vụ sau đây:

- Phòng Đảm bảo chất lượng: Định kỳ mỗi năm một lần, tiến hành Khảo sát SV (1) ngay khi nhập học; (2) cuối mỗi học phần/tín chỉ trong quá trình học và (3) chuẩn bị tốt nghiệp). Khảo sát cựu SV (sau 6-9 tháng từ ngày tốt nghiệp). Khảo sát nơi sử dụng SV làm việc (mỗi năm 01 lần hoặc khi có KH). Nội dung phiếu khảo sát phải thiết thực, đúng yêu cầu của tiêu chí kiểm định và áp dụng CNTT để thu thập và xử lý số liệu; Triển khai và duy trì hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Phòng Đào tạo: Chủ động . . . ; Từ số liệu khảo sát, xác định những điểm cần cải thiện trong quá trình đào tạo (Curriculum, phương pháp, tài liệu, tiến độ chung . . .); Tiến hành thủ tục mở ngành theo quy định . . .

- Phòng NCKH và Hợp tác quốc tế: Nghiên cứu các ứng dụng của các trường cao đẳng, đại học trong nước, nước ngoài để chuyển giao phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy-học tập, NCKH (kể cả cho SV).

- Phòng CTSV: Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho SV như các phong trào gắn với nâng cao kỹ năng sống (4C), kỹ năng quản lý . . .

- Phòng TCHC: Xây dựng Đề án thu hút và nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH cho viên chức-GV. . .Bố trí đội ngũ VC-GV-NLĐ theo vị trí việc làm nhằm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đảm bảo ANTT, An toàn, PCCC.

- Phòng KHTC: Xây dựng kế hoạch tài chính, cân đối thu chi và tạo nguồn cho các hoạt động, điều kiện tài chính, tài sản thực hiện chiến lược hàng năm và cả giai đoạn 2022-2025 và 2030.

5.2.2. Khoa. . .

- Tổ chức định kỳ hàng tháng hoặc trước khi bắt đầu giao học phần/tín chỉ cho GV cùng tập thể sư phạm thảo luận, xeminar về nội dung và cách thực hiện nhằm hỗ trợ GV và SV thực hiện được các nội dung như mục 5.3.

- Khảo sát SV, nơi sử dụng SV làm việc về vấn đề

5.3. TRÁCH NHIỆM CỦA VC-GV VÀ SINH VIÊN

5.3.1. Đối với GV

(Ngoài những nhiệm vụ của giảng viên đại học, giáo viên các trường thực hành sư phạm được quy định trong các văn bản của Đảng, Nhà nước, của DNU)

- Chủ động tham gia giảng dạy, NCKH theo hướng ứng dụng thực tế công việc hàng ngày, hợp tác quốc tế và hợp tác với các cơ sở sử dụng SV để cải tiến (1) chương trình đào tạo; (2) phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của học phần/tín chỉ do mình thực hiện, nhằm đạt tối thiểu các yêu cầu sau:

- Giúp SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu; làm việc nhóm và khả năng trình bày vấn đề; khả năng thống kê, phân tích và tổng hợp để nhận xét, đánh giá vấn đề, đưa ra giải pháp tối ưu nhất.

- Giúp SV có đủ kiến thức trọng tâm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và có thái độ làm việc chuyên nghiệp, tâm huyết với nghề, quản lý thời gian và xây dựng được kế hoạch làm việc theo mô hình PDCA, 5S, các công cụ quản lý hiệu quả.

5.3.2. Đối với sinh viên

SV tích cực, chủ động tìm hiểu, tra cứu tài liệu liên quan đến học phần/tín chỉ . . .

Nơi nhận:

- ĐU, HĐT (b/c);
- Các đơn vị (t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Anh Đức